TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2017/DS-ST
Ngày 11-9-2017.
V/V: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang*** *tham gia phiên toà*: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2016/TLST-DS ngày 15/11/2016, về tranh chấp: "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXXST-DS ngày 01/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: S24, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh B.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ H2, phường T, thành phố B, tỉnh B
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 (vắng mặt) .
Địa chỉ: S03, đương L, phường T, thành phố B, tỉnh B.
2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 (vắng mặt).
Địa chỉ: S 199, đường H, thành phố B, tỉnh B.
3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959 (vắng mặt).
Địa chỉ S10, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh B.
4. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 20B, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh B.
5. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: S 20A, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh B.
5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: S07, đường C, phường T, thành phố B, tỉnh B.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ H2, phường T, thành phố B, tỉnh B

7. Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 8 đường Nghĩa Long, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Giám đốc (vắng mặt).

- Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn C: Ông Giáp Văn Điệp, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: S28, tổ H1, phường T, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình làm việc và tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Dcó người đại diện là ông Giáp Văn Đtrình bày:

Ông bà nội ông là cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị H (đều đã chết) sinh được ba người con là cụ Nguyễn Thị T (Gái), cụ Nguyễn Văn C và cụ Nguyễn Văn T.

Cụ Nguyễn Văn C (chết năm 1967) sinh được hai người con là bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H.

Cụ Nguyễn Văn T (chết năm 2008) sinh được bảy người con gồm: Ông là Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn H.

Cụ Nguyễn Thị T (Gái) sinh năm 1928 (chết năm 2010), không có chồng, không có con.

Khi cụ Tỵ (Gái) chết có để lại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01 có diện tích 143,3m^2 là đất nông nghiệp (không có di chúc), đất này hiện nay đang do bà Nguyễn Thị Thu H quản lý để cấy lúa và nằm trong dự án bị Nhà nước thu hồi để xây dựng khu B Công an tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, Nhà nước có bồi thường tiền đất cho cụ Tỵ (do bà Hằng kê khai và nhận). Ông Dũng cho rằng việc bà Hằng kê khai và nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất nông nghiệp do cụ Tỵ chết đi để lại là không đúng, vì bà Hằng không có trách nhiệm và công chăm sóc gì đối với cụ Tỵ (Gái) khi cụ ốm và không có trách nhiệm lo ma chay cho cụ. Người đứng ra chăm sóc cụ Tỵ ốm cũng như việc lo mai táng phí khi cụ Tỵ chết được cả gia đình và họ tộc thống nhất giao cho Nguyễn Văn C là em trai ông Dũng. Nay không đồng ý với việc bà Hằng được đứng tên nhận toàn bộ số tiền bồi thường diện tích đất của cụ Tỵ (Gái) bị thu hồi, ông Dũng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể như sau:

1. Lấy số tiền đền bù thửa đất trên để lo ma cho cụ Tỵ (Gái).

3. Sau khi trừ đi tiền mai táng phí còn dư tiền đền bù thì chia cho hàng thừa kế được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự (hàng thừa kế thứ ba gồm 09 người).

Qua các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên toà, ông Giáp Văn Đđại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Dđề nghị Tòa án giải quyết: Chi trả cho ông Cường 20.000.000 đồng để chi phí lo ma cho cụ Tỵ, số tiền còn lại chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị T (Gái) cho những người ở hàng thừa kế thứ ba (gồm 9 người) theo quy định của pháp luật. Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất 143,3m^2 đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, số tiền được bồi thường tổng cộng là 56.316.900 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng) do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên kê khai và nhận tiền bồi thường.

- Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Cụ Nguyễn Thị T (tức Gái) là chị ruột của bố đẻ ra bà, bà gọi cụ Tỵ là bác.

Cụ Tỵ không chồng, không có con cái nên cụ Tỵ coi bà và bà Huấn như con đẻ, mọi việc lớn nhỏ trong nhà cụ Tỵ đều do bà và bà Huấn lo liệu. Cụ Tỵ chết năm 2010, khi chết đi cụ Tỵ có 01 thửa ruộng 5 thước ở xứ đồng Võ Trang (thửa số 32, tờ bản đồ số 01, diện tích 143,3m^2). Năm 1993 khi cụ Tỵ ốm thì cụ Tỵ có bảo với chị em bà (bà Hằng và bà Huấn) là thửa ruộng này cụ đã cho bà làm và bà đã canh tác ổn định từ năm 1993 cho đến khi Nhà nước có dự án thu hồi (năm 2012) bà trực tiếp là người kê khai và nhận tiền bồi thường 56.316.900 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng) nhưng bà chưa được nhận số tiền này do ông Dũng có đơn yêu cầu dừng việc chi trả tiền bồi thường.

Năm 1998, cụ Tỵ lâm bệnh, hai chị em là bà và bà Huấn thay nhau trông nom, chăm sóc cho đến khi cụ Tỵ qua đời năm 2010. Về phần lo ma cho cụ Tỵ khi cụ chết là do ông trưởng họ Nguyễn Văn Bòng họp họ và quyết định giao quyền lo ma chay cho Nguyễn Văn C là con trai cụ Tuyên vì cho rằng bà là phận gái việc lo chay ma, thờ cúng không thuận nên bà đã đồng ý, tại cuộc họp này ông Bòng có giải quyết luôn về thửa ruộng 6 thước do cụ Tỵ để lại tuyên bố là tiếp tục giao cho bà quyền sử dụng, quản lý. Về chi phí lo ma cho cụ Tỵ ông Nguyễn Văn C chỉ đứng ra lo chứ không phải chi phí đồng nào vì trước đó cụ Tỵ có để lại số tiền tiết kiệm 4.000.000 đồng, UBND phường hỗ trợ bộ áo quan cùng với số tiền phúng viếng của bà con hàng xóm cũng đủ để lo chi phí ma chay cho cụ Nguyễn Thị T.

Mặt khác, năm 2010 khi cụ Tỵ chết tại cuộc họp họ ông Bòng trưởng họ cũng đã phân chia 100m^2 ở Hà Vị 2 cho ông Nguyễn Văn C để sau này ông Cường hương khói cho cụ Tỵ.

Việc ông Nguyễn Văn Dkhởi kiện yêu cầu chia số tiền bồi thường 56.316.900 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng) của thửa ruộng số 32 thuộc dự án khu B Công an tỉnh Bắc Giang là không có cơ sở vì ông Dũng không phải là chủ nhân của thửa ruộng, ông Dũng không nuôi dưỡng, chăm sóc được cụ Tỵ ngày nào và cũng không được cụ Tỵ (Gái) cho ruộng nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Bắc Giang do ông Nguyễn Văn D – Giám đốc là đại diện xác định:

Thực hiện Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND thành phố Bắc Giang có về việc thu hồi 5.755,1m^2 đất của 26 hộ gia đình, trong đó hộ bà Nguyễn Thị Thu H có diện tích thu hồi 143,3m^2 đất nông nghiệp; Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất, trong đó hộ bà Nguyễn Thị Thu H được bồi thường số tiền 56.316.900 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng). Tuy nhiên, trong quá trình thông báo nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với hộ bà Nguyễn Thị Thu H thì phát sinh tranh chấp. Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố đã gửi số tiền trên vào Ngân hàng theo quy định, chờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong mới tiến hành trả tiền.

- Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T) là ông Giáp Văn Đtrình bày: Nhất trí với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Dvà không bổ sung ý kiến gì khác.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng các bên đương sự không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày với Toà án. Không ai có chứng cứ gì khác cung cấp cho Toà án .

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ddo ông Giáp Văn Đlà đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị T (Gái) cho những người ở hàng thừa kế thứ ba theo quy định của pháp luật. Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất 143,3m^2 đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, số tiền được bồi thường tổng cộng là 56.316.900 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng) do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên kê khai và nhận tiền bồi thường.

Bà Nguyễn Thị Thu H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ddo ông Giáp Văn Đtrình bày.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T) là ông Giáp Văn Đtrình bày: Nhất trí với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Dvà không bổ sung ý kiến gì khác.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật trong giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

các Điều 613, điểm c khoản 1 Điều 651, Điều 649, Điều 658, Điều 660 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận các yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Dbà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T;

2. Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ ba của cụ Nguyễn Thị T, gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Dbà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H;

3. Xác định tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T là giá trị quyền sử dụng thửa ruộng số 32, tờ bản đồ số 01 có diện tích 143,3m^2 tại xứ đồng Võ Trang, thuộc phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang là 68.117.200 đồng (sáu mươi tám triệu một trăm mười bẩy nghìn hai trăm đồng), tại sổ tiết kiệm hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang lưu giữ, mang tên: Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Tổ dân phố Hà vị 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; số tài khoản: 2501621052822, ngày gửi 25/7/2012 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang II.

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn C được chia 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền mai táng phí cho cụ Nguyễn Thị T.

5. Những người có tên được hưởng, cụ thể như sau:

Trích chia cho bà Hằng số tiền 30.000.000 đồng là tiền công sức thực tế của bà Hằng đã chăm nom cụ Tỵ khi còn sống, cùng cụ Tỵ sử dụng canh tác và giữ gìn thửa ruộng.

Số tiền còn lại được chia cho 09 phần: 38.117.200 đồng/09 = 4.235.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M; Bà Nguyễn Thị X; Bà Nguyễn Thị X; Ông Nguyễn Văn H; Bà Nguyễn Thị T; Ông Nguyễn Văn D; Bà Nguyễn Thị H; Ông Nguyễn Văn C mỗi người được hưởng 4.235.000 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

Bà Nguyễn Thị Thu H: 34.235.000 đồng (ba mươi tư triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang tại phiên tòa: Quá trình làm việc đã có quan điểm của

mình đối với việc kiện, có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp về thừa kế tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang được quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị T (Gái) chết năm 2010 có để lại thửa ruộng số 32, tờ bản đồ số 01 có diện tích 143,3m^2 tại xứ đồng Võ Trang, thuộc phường Trần Nguyên Hãn. Năm 2012 Nhà nước thu hồi để xây dựng công trình khu B Công an tỉnh Bắc Giang mà người đứng tên kê khai, nhận tiền bồi thường là bà Nguyễn Thị Thu H (cháu của cụ Tỵ) vào tháng 6 năm 2012. Biết việc bà Hằng đứng tên nhận tiền bồi thường đối với thửa đất nông nghiệp do cụ Tỵ để lại, ông Dũng (cháu của cụ Tỵ) đã làm đơn khởi kiện bà Hằng ra Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp thì thời hiệu khởi kiện, yêu cầu của các đương sự nằm trong thời hiệu quy định của pháp luật tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[4]. Về tài sản thừa kế:

Qua đơn khởi kiện và những lời khai tại Toà án thì việc ông Nguyễn Văn Dkhởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H là " Tranh chấp về thừa kế tài sản". Tuy nhiên do cụ Nguyễn Thị T (Gái) chết không để lại di chúc nên căn cứ quy định về thừa kế theo pháp luật để giải quyết.

Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn nộp tại Tòa án thì thấy: Ông Nguyễn Văn Dyêu cầu chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị T (Gái) chết để lại cho toàn bộ hàng thừa kế thứ ba theo quy định của pháp luật. Di sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là số tiền 56.316.900 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn chín trăm đồng) được Nhà nước bồi thường khi thu hồi thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01, có diện tích 143,3m^2 để xây dựng công trình khu B Công an tỉnh Bắc Giang. Theo tài liệu do Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh thành phố Bắc Giang (nay là Chi nhánh Bắc Giang II) cung cấp, thì tính đến ngày xét xử (11/9/2017) số tiền là 68.117.200 đồng (sáu mươi tám triệu một trăm mười bẩy nghìn hai trăm đồng).

[5]. Về hàng thừa kế:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ Tỵ không có ai ở hàng thừa kế thứ nhất, nghĩa là khi còn sống cụ Tỵ không có người con đẻ hoặc người con nuôi nào; Tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ Nguyễn Văn T và cụ Nguyễn Thị H chỉ sinh được 03 người con chung (Cụ Tỵ, cụ Chiến và cụ Tuyên), ngoài ra không có người con riêng và con nuôi hợp pháp nào khác; Giấy chứng tử của cụ Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T hoặc giấy tờ khác thay thế xác nhận cụ Tuyên và cụ Chiến đều đã chết và chết trước cụ Tỵ (hàng thừa kế thứ hai); Tài liệu, chứng cứ chứng minh 07

người có tên trong danh sách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con đẻ của cụ Tuyên, ngoài 7 người con đã có tên trong hồ sơ khởi kiện thì cụ Tuyên không có người con riêng hoặc người con nuôi hợp pháp nào; Ngoài hai người con là bà Hằng và bà Huấn thì cụ Chiến không có người con riêng hoặc người con nuôi hợp pháp nào (Hàng thừa kế thứ ba). Do vậy, xác định những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ ba của cụ Tỵ có 09 người, gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H được xác định theo Điều 613; điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự và không trong diện Người không được hưởng di sản theo Điều 621 Bộ luật dân sự 2015.

[6]. Về yêu cầu của những người thừa kế:

Trước khi chết, cụ Tỵ không để lại di chúc, nên tài sản thừa kế được chia theo pháp luật theo Điều 649 Bộ luật dân sự 2015.

Yên cầu của những người thừa kế yêu cầu chia tài sản thừa kế là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về mai táng phí, gồm các khoản, như sau:

1. Áo quan: 2.270.000 đồng;
2. Vải khăn trắng và vải niệm: 782.000 đồng;
3. Kèn, trống: 2.000.000 đồng;
4. Hương, tiền vàng, trầu cau, nến dầu đèn: 314.000 đồng;
5. Chè bồm, chè uống cầu vàng 435.000 đồng;
6. Ảnh chụp: 815.00 đồng;
7. Ăn uống 2 ngày 5.238.000 đồng;
8. Đưa lên chùa: 3.130.000 đồng;
9. Cúng 3 ngày tuần đầu, 49 ngày, 100 ngày: 6.270.000 đồng;
10. Thuê phông bàn, bát đĩa: 700.000 đồng;
11. Thuê công đào lấp, thuê xe tang: 2.000.000 đồng.

Tổng cộng 23.944.000 đồng.

Số tiền này, ông Cường đã chi phí, nhưng ông chỉ yêu cầu được chia 20.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu này của ông Cường, Hội đồng xét xử thấy là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: Theo tài liệu có trong hồ sơ là biên bản họp nội tộc ngày 18/9/2005, thoả thuận: "*Phần đất của bà Gái (tức Tỵ) được chia đã và đang sử dụng, nhưng sau khi tuổi già qua đời thì tất yếu phải được giao lại cho con trai trưởng ông Mao là cháu đích tôn để lo hậu sự và thờ cúng lâu dài. Bà Nguyễn Thị Gái (tức Tỵ) không được cho ai khác và bán cho bất kỳ ai*". Biên bản này có ông Bòng được xác định là Trưởng họ ký. Đồng thời qua lời xác định của ông Bòng thì phần đất này đã được sang tên cho ông Nguyễn Văn D, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 121852, số vào sổ cấp giấy H01480/QĐ số 136/QĐ-UBND ngày 12/01/2012 của UBND thành phố Bắc Giang. Như vậy, trách nhiệm lo mai táng phí và thờ cúng cho cụ Tỵ thuộc trách nhiệm của ông Dũng. Nếu sau này ông Cường

có yêu cầu đối với ông Dũng về số tiền mai táng phí sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

Đối với tiền tiết kiệm 4.000.000 đồng của cụ Tỵ, các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tổng số tiền phúng viếng, các đương sự không xác định được, nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có căn cứ và yêu cầu sẽ giải quyết trong vụ án khác.

Số tiền hỗ trợ mai táng là 3.000.000 đồng ông Cường chi phí cho mai táng. Hội đồng xét xử không xem xét xác định đây là số tiền thực tế ông Cường đã chi phí.

Đối với yêu cầu của bà Hằng về công sức nuôi dưỡng cụ Tỵ khi còn sống và tiền công tân tạo giữ gìn tài sản thừa kế là diện tích ruộng 143,3m^2 là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Đây là công sức thực tế của bà Hằng đã chăm nom cụ Tỵ khi còn sống, cùng cụ Tỵ sử dụng canh tác và giữ gìn thửa ruộng từ năm 1993 cho đến khi được thu hồi. Nên cần xem xét chi phí này cho bà Hằng với số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, tài sản thừa kế còn lại để chia là: 68.117.200 đồng – 30.000.000 đồng = 38.117.200 đồng.

[6]. Tài sản thừa kế được chia như sau:

Số tiền là tài sản thừa kế tính đến ngày 11/9/2017 là 68.117.200 đồng.

Bà Hằng được nhận: 30.000.000 đồng tiền công chăm sóc cụ Tỵ, giữ gìn tân tạo tài sản.

Số tiền còn lại 38.117.200 đồng được chia cho 09 phần: 38.117.200 đồng/09 = 4.235.244 đồng (đã làm tròn số thích hợp).

Như vậy, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H mỗi người được hưởng thừa kế là 4.235.244 đồng.

Bà Hằng được hưởng tổng số tiền là: 30.000.000 đồng + 4.235.244 đồng = 34.235.244 đồng.

Số tiền mà bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H được nhận thừa kế tại sổ tiết kiệm hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang lưu giữ, mang tên: Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Tổ dân phố Hà vị 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; số tài khoản: 2501621052822, ngày gửi 25/7/2012 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Bắc Giang (nay là Chi nhánh Bắc Giang II). Số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sẽ được tính trên số tiền mỗi người được hưởng khi thi hành án.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội buộc các đương sự phải án phí.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; các Điều 613, điểm c khoản 1 Điều 651, Điều 649, Điều 658, Điều 660 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015:

1. Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ ba của cụ Nguyễn Thị T, gồm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H;

2. Xác định tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T là giá trị quyền sử dụng thửa ruộng số 32, tờ bản đồ số 01 có diện tích 143,3m^2 tại xứ đồng Võ Trang, thuộc phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang là 68.117.200 đồng (sáu mươi tám triệu một trăm mười bẩy nghìn hai trăm đồng), tại sổ tiết kiệm hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang lưu giữ, mang tên: Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Tổ dân phố Hà vị 2, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; số tài khoản: 2501621052822, ngày gửi 25/7/2012 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Bắc Giang (nay là Chi nhánh Bắc Giang II).

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Dbà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị H về yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T;

4. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn C được chia 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền mai táng phí cho cụ Nguyễn Thị T.

5. Những người có tên được hưởng tài sản thừa kế, cụ thể như sau:

Xác định số tiền 30.000.000 đồng là tiền công sức thực tế của bà Hằng đã chăm nom cụ Tỵ khi còn sống, cùng cụ Tỵ sử dụng canh tác và giữ gìn, tân tạo thửa ruộng.

Số tiền còn lại 38.117.200 đồng được chia cho 09 phần: 38.117.200 đồng/09 = 4.235.244 đồng (đã làm tròn số thích hợp).

Bà Nguyễn Thị M được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Bà Nguyễn Thị X được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Bà Nguyễn Thị X được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Ông Nguyễn Văn H được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Bà Nguyễn Thị T được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Ông Nguyễn Văn Dđược hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Bà Nguyễn Thị H được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Ông Nguyễn Văn C được hưởng 4.235.244 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi nhăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

Bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng 4.235.244 đồng (ba mươi tư triệu hai trăm ba mươi nhăm nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng);

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06208 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06210 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06209 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06211 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06207 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Ông Nguyễn Văn Dphải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số AA/2012/05839 ngày 16/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06202 ngày 25/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Ông Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí thừa kế và 1.000.000 đồng tiền án phí do yêu cầu không được chấp nhận, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06212 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 1.711.000 đồng (một triệu bảy trăm mười một nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06201 ngày 25/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Trần Kiên